TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 559/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 857/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hoài P, sinh năm 1972, địa chỉ: Số B đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phí Mạnh H, sinh năm 1976 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh P; địa chỉ: Công ty L – Số B B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thùy T, sinh năm 1994, địa chỉ: Số A đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên từ ngày 11/7/2023 đến ngày 29/9/2023 bà T có vay của ông tổng cộng số tiền là 156.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ ba ngân hàng đó là Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP Á.

Sau đó ngày 12/10/2023 bà T viết Giấy mượn tiền xác nhận có mượn ông số tiền 150.000.000 đồng và cam kết sẽ trả tiền trong thời gian 01 tháng kể từ ngày viết giấy.

Tuy nhiên, sau khi đối chiếu số liệu sao kê ngân hàng từ ngày 13/7/2023 đến ngày 21/8/2023, bà T đã trả cho ông tổng cộng số tiền là 8.200.000 đồng. Như vậy thực tế số tiền nợ gốc mà bà T nợ ông chỉ còn 148.443.000 đồng.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà T không trả tiền cho ông như đã thỏa thuận mặc dù ông đã rất nhiều lần nhắc nhở, thúc giục. Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 148.443.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày đến hạn trả nợ 13/11/2023 đến ngày 29/7/2024 (260 ngày) với mức lãi suất là 10%/năm là 10.574.022 đồng, tổng cộng là 159.017.022 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T là bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Thời hạn xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư ngụ tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận G theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 148.443.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bà T đã được Tòa án tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Bảng kê giao dịch ngày 06/10/2023 của Ngân hàng N ông P đã thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của bà T cụ thể:

+ Ngày 18/7/2023 chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng;

+ Ngày 28/7/2023 chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng;

+ Ngày 17/8/2023 chuyển khoản số tiền 260.000 đồng;

+ Ngày 19/8/2023 chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng;

+ Ngày 19/8/2023 chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng;

+ Ngày 05/9/2023 chuyển khoản số tiền 10.500.000 đồng;

+ Ngày 29/9/2023 chuyển khoản số tiền 483.000 đồng.

Căn cứ Bảng kê giao dịch ngày 11/12/2023 của Ngân hàng Q ông P đã thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của bà T cụ thể:

+ Ngày 19/8/2023 chuyển khoản số tiền 7.500.000 đồng;

+ Ngày 19/8/2023 chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng;

+ Ngày 21/8/2023 chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng;

+ Ngày 02/9/2023 chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng;

Căn cứ Bảng kê giao dịch ngày 05/10/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Á ông P đã thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của bà T cụ thể:

+ Ngày 11/7/2023 chuyển khoản số tiền 1.600.000 đồng;

+ Ngày 20/7/2023 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng;

+ Ngày 21/8/2023 chuyển khoản số tiền 2.300.000 đồng;

+ Ngày 05/9/2023 chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng;

+ Ngày 15/9/2023 chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng;

+ Ngày 18/9/2023 chuyển khoản số tiền 4.000.000 đồng.

Tổng cộng ông P đã chuyển khoản cho bà T số tiền là 156.643.000 đồng.

Căn cứ Bảng kê giao dịch ngày 06/10/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần N ngày 19/8/2023 bà T đã thực hiện giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của ông P số tiền 1.500.000 đồng.

Căn cứ Bảng kê giao dịch ngày 05/10/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Á bà T đã thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của ông P, cụ thể:

+ Ngày 13/7/2023 chuyển khoản số tiền 1.600.000 đồng;

+ Ngày 18/7/2023 chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng;

+ Ngày 21/7/2023 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng;

+ Ngày 26/7/2023 chuyển khoản số tiền 300.000 đồng;

+ Ngày 21/8/2023 chuyển khoản số tiền 2.300.000 đồng.

Tổng cộng bà T đã chuyển cho ông P số tiền là 8.200.000 đồng.

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 12/10/2023 bà T xác nhận có mượn ông P số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù các giao dịch chuyển khoản của ông P vào tài khoản của bà T không có nội dung giao dịch cho vay và các giao dịch bà T chuyển khoản vào tài khoản của ông P không có nội dung trả tiền vay nhưng ngày 12/10/2023 bà T xác nhận có mượn ông P số tiền 150.000.000 đồng. Đối

chiếu số tiền bà T xác nhận nợ mặc dù không khớp với tổng số tiền ông P đã chuyển khoản cho bà T và số tiền bà T đã chuyển khoản lại cho ông P nhưng thời điểm bà T làm giấy xác nhận nợ là ngày 12/10/2023, sau các thời điểm giao dịch chuyển khoản, số tiền bà T xác nhận lớn hơn số tiền ông P yêu cầu. Do đó việc ông P xác định bà T chỉ nợ số tiền 156.643.000 đồng, đã trả 8.200.000 đồng, còn lại 148.443.000 đồng là có lợi cho bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định số tiền bà T vay ông P còn lại là 148.443.000 đồng. Giao dịch giữa ông P và bà T là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo thỏa thuận, bà T phải thanh toán cho ông P số tiền trên trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 12/10/2023. Tuy nhiên đến nay bà T chưa thanh toán cho hết số nợ cho ông P là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn", do đó ông P khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ gốc 148.443.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Việc bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bà T phải trả số tiền trên cho ông P làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về tiền lãi chậm thanh toán: Các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày 12/10/2023 nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 13/11/2023 với mức lãi suất là 10%/năm là có phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: 148.443.000 đồng x 10%/năm x từ ngày 13/11/2023 đến ngày 29/7/2024 (260 ngày) = 10.574.022 đồng.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 159.017.022 đồng.

[2.3] Về lãi suất chậm thi hành án:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.950.851 đồng. H1 lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

[6] Xét đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thùy T phải trả cho ông Trần Hoài P số tiền nợ gốc là 148.443.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 10.574.022 đồng, tổng cộng là 159.017.022 đồng. Trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.950.851 đồng do bà Lê Thùy T phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho ông Trần Hoài P là 3.747.678 đồng theo biên lai thu số 0013260 ngày 29/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung